

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC THAY THẾ VÀ THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH BỊ BỎ BỎ TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU
NỔ VÀ CÔNG CỤ HỖ TRỢ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
CÔNG AN TỈNH H NG YÊN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 98/QĐ-CAT-PV01, ngày 09/01/2025 của
Giám đốc Công an tỉnh)*

PHẦN THỨ NHẤT: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh		
1	Đăng ký khai báo công cụ hỗ trợ	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ	Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh

2. Thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh				
1	1.000328	Cấp Giấy phép trang bị, giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024) - Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ	Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh
2	1.000374	Cấp Giấy phép trang bị vũ khí quân dụng	- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất		Nt
3	1.000519	Cấp Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng			Nt
4	1.000962	Cấp lại Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng			Nt
5	1.000445	Cấp Giấy phép trang bị vũ khí thể thao			Nt
6	1.000731	Cấp Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao			Nt
7	1.000723	Cấp lại Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao			Nt
8	1.000428	Cấp Giấy phép vận chuyển vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao			Nt

9	1.002785	Cấp Giấy phép sửa chữa vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao	thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ - Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ	Nt	
10	1.002777	Cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ quân dụng		Nt	
11	1.000554	Cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp		Nt	
12	1.000537	Điều chỉnh Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp		Nt	
13	1.000515	Cấp Giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ		Nt	
14	1.000498	Điều chỉnh Giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ		Nt	
15	1.000484	Cấp Giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ		Nt	
16	1.000468	Cấp Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ		Nt	
17	2.000152	Cấp lại Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ		Nt	
18	1.000332	Cấp Giấy phép vận chuyển công cụ hỗ trợ		Nt	
19	1.000331	Cấp Giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ		Nt	
20	1.000330	Thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ		- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024) - Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ	Nt
21	1.000326	Đề nghị làm mất tính năng, tác dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ được sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hoá, nghệ thuật		- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu	Nt
22	1.000325	Đề nghị xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng được sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hoá, nghệ thuật			Nt

			<p>nổ và công cụ hỗ trợ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ - Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ 		
B Thủ tục hành chính cấp xã					
1	1.000078	Khai báo vũ khí thô sơ là hiện vật trưng bày, triển lãm, làm đồ gia bảo	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024) - Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ - Thông tư số 	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ	Công an xã, phường, thị trấn

			77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ		
--	--	--	---	--	--

3. Thủ tục hành chính được thay thế

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên văn bản QPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1	1.000323	Đề nghị đào tạo, huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ	Đề nghị đào tạo, huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và cấp, cấp đổi giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ	- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024) - Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ - Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ	Quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ	Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh
2	1.000317	Cấp, cấp đổi giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ	Cấp, cấp đổi chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ			
3	1.000308	Cấp, cấp đổi chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ	Cấp, cấp đổi chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ			
4	1.000313	Cấp lại giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ	Cấp lại giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân			
5	1.000117	Cấp lại chứng chỉ				

		quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ	dụng, công cụ hỗ trợ; chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ	77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ - Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ		
--	--	--	--	---	--	--

4. Thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
A	Thủ tục hành chính cấp tỉnh		
1	1.000505	Cấp đổi Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng	Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh

2	1.000727	Cấp đổi Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao	Nt
3	1.000720	Cấp Giấy phép trang bị vũ khí thô sơ	Nt
4	1.000717	Thông báo khai báo vũ khí thô sơ	Nt
5	1.000197	Cấp đổi Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ	Nt
6	1.000335	Cấp Giấy xác nhận đăng ký công cụ hỗ trợ	Nt
7	1.000334	Cấp lại Giấy xác nhận đăng ký công cụ hỗ trợ	Nt

PHẦN THỨ HAI: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC THAY THẾ VÀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BỎ TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ, CÔNG CỤ HỖ TRỢ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÔNG AN TỈNH NGHỆ AN

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1. Thủ tục: Đăng ký khai báo công cụ hỗ trợ

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu chính về Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thủ tục còn thiếu cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp trên Cổng dịch vụ công không tiếp nhận và thông báo trả lời trên Cổng dịch vụ công lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận Thông báo đăng ký khai báo công cụ hỗ trợ.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã

hội Công an tỉnh.

- Nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, cụ thể: Văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, lý do, số lượng, chủng loại, nước sản xuất, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu công cụ hỗ trợ, số giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ; bản sao hóa đơn, phiếu xuất kho hoặc giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp. Trường hợp công cụ hỗ trợ là động vật nghiệp vụ, văn bản đề nghị bổ sung loại, tên, màu lông, tính biệt, cơ sở huấn luyện.

*** Lưu ý:**

Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị, cơ quan Công an có thẩm quyền kiểm tra thực tế và cấp thông báo đăng ký khai báo công cụ hỗ trợ; trường hợp không cấp phải có văn bản trả lời, nêu rõ lý do.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo đăng ký khai báo công cụ hỗ trợ (mẫu VC18 ban hành kèm theo Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ).

1.8. Phí, lệ phí: Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024);

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1. Thủ tục: Cấp Giấy phép trang bị, giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu chính về Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thủ tục còn thiếu cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp trên Cổng dịch vụ công không tiếp nhận và thông báo trả lời trên Cổng dịch vụ công lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận Giấy phép trang bị, giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 14 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024), cụ thể: Văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ của bảo tàng, đơn vị biểu diễn nghệ thuật, cơ sở điện ảnh sản xuất phim có nhu cầu trang bị; tổ chức, doanh nghiệp bán vũ khí, công cụ hỗ trợ; lý do; số lượng, chủng loại, nhãn hiệu vũ khí, công cụ hỗ trợ; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật.

*** Lưu ý:**

Đối với trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị, cơ quan Công an có thẩm quyền cấp giấy phép trang bị, giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép trang bị, giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật (Mẫu VC12 ban hành kèm theo Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ).

1.8. Phí, lệ phí:

- Đối với Giấy phép trang bị: 10.000 đồng/khẩu-chiếc.

- Đối với Giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng: 10.000 đồng/giấy.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024);

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

2. Thủ tục: Cấp Giấy phép trang bị vũ khí quân dụng

2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, đơn vị chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, đơn vị nộp hồ sơ tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải trả hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, đơn vị đề nghị để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, đơn vị đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận Giấy phép trang bị vũ khí quân dụng.

2.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 20 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và

công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024), cụ thể: Văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ của cơ quan, đơn vị có nhu cầu trang bị, doanh nghiệp bán vũ khí quân dụng, họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật và người đến liên hệ, lý do, số lượng, chủng loại, nhãn hiệu vũ khí quân dụng; Văn bản đồng ý của lãnh đạo Bộ, ngành về việc trang bị vũ khí quân dụng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan Công an có thẩm quyền cấp giấy phép trang bị vũ khí quân dụng; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép trang bị vũ khí quân dụng (Mẫu VC2 ban hành kèm theo Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ).

2.8. Phí, lệ phí: 10.000 đồng/khẩu-chiếc.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Chỉ cấp Giấy phép trang bị vũ khí quân dụng cho đối tượng được trang bị vũ khí quân dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024); cụ thể:

“1. Đối tượng được trang bị vũ khí quân dụng bao gồm:

a) Quân đội nhân dân;

b) Dân quân tự vệ;

c) Cảnh sát biển;

d) Công an nhân dân;

đ) Cơ yếu;

e) Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

g) Kiểm lâm, Kiểm ngư;

h) An ninh hàng không;

i) Hải quan cửa khẩu; lực lượng chuyên trách phòng, chống buôn lậu của Hải quan; lực lượng phòng, chống tội phạm về ma túy của Hải quan.”.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024);

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

3. Thủ tục: Cấp Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng

3.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, đơn vị chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, đơn vị nộp hồ sơ tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải trả hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, đơn vị đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng.

3.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 21 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và

công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024), cụ thể: văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, đơn vị, họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ, số lượng, chủng loại, nước sản xuất, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu của từng vũ khí quân dụng; bản sao hóa đơn, bản sao phiếu xuất kho hoặc giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

3.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan Công an có thẩm quyền kiểm tra thực tế, cấp giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng (Mẫu VC2 ban hành kèm theo Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ).

3.8. Phí, lệ phí: 10.000 đồng/giấy.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Chỉ cấp Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng cho đối tượng được trang bị vũ khí quân dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024); cụ thể:

“1. Đối tượng được trang bị vũ khí quân dụng bao gồm:

a) Quân đội nhân dân;

b) Dân quân tự vệ;

c) Cảnh sát biên;

d) Công an nhân dân;

đ) Cơ yếu;

e) Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

g) Kiểm lâm, Kiểm ngư;

h) An ninh hàng không;

i) Hải quan cửa khẩu; lực lượng chuyên trách phòng, chống buôn lậu của Hải quan; lực lượng phòng, chống tội phạm về ma túy của Hải quan.”.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024);

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

4. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng

4.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, đơn vị chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, đơn vị nộp hồ sơ tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải trả hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, đơn vị đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng.

4.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 21 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024), cụ thể: Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, đơn vị; lý do đề nghị cấp lại; số lượng, chủng loại, nước sản xuất, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu từng loại vũ khí quân dụng; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.

*** Lưu ý:**

Trường hợp mất, hư hỏng giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng thì văn bản đề nghị phải nêu rõ lý do mất, hư hỏng và kết quả xử lý.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

4.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan Công an có thẩm quyền kiểm tra thực tế, cấp giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng (Mẫu VC2 ban hành kèm theo Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ).

4.8. Phí, lệ phí: 10.000 đồng/giấy.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng đối với các trường hợp thay đổi thông tin về cơ quan, đơn vị hoặc mất, hư hỏng giấy phép sử dụng cho đối tượng được trang bị vũ khí quân dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024); cụ thể:

“1. Đối tượng được trang bị vũ khí quân dụng bao gồm:

- a) Quân đội nhân dân;
- b) Dân quân tự vệ;
- c) Cảnh sát biên;
- d) Công an nhân dân;
- đ) Cơ yếu;
- e) Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

g) Kiểm lâm, Kiểm ngư;

h) An ninh hàng không;

i) Hải quan cửa khẩu; lực lượng chuyên trách phòng, chống buôn lậu của Hải quan; lực lượng phòng, chống tội phạm về ma túy của Hải quan.”.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024);

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

5. Thủ tục: Cấp Giấy phép trang bị vũ khí thể thao

5.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu chính về Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký khai báo công cụ hỗ trợ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thủ tục còn thiếu cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp trên Cổng dịch vụ công không tiếp nhận và thông báo trả lời trên Cổng dịch vụ công lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận Giấy phép trang bị vũ khí thể thao.

5.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 25 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024), cụ thể: Văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu trang bị, tổ chức, doanh nghiệp bán vũ khí thể thao và họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật, lý do, số lượng, chủng loại, nhãn hiệu vũ khí thể thao; Văn bản đồng ý của cơ quan có thẩm quyền do Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về việc trang bị vũ khí thể thao.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

5.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan Công an có thẩm quyền cấp giấy phép trang bị vũ khí thể thao; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép trang bị vũ khí thể thao (Mẫu VC2 ban hành kèm theo Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ).

5.8. Phí, lệ phí: 10.000 đồng/khẩu-chiếc.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Chỉ cấp Giấy phép trang bị vũ khí thể thao cho đối tượng được trang bị vũ khí thể thao theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024); cụ thể:

“1. Đối tượng được trang bị vũ khí thể thao bao gồm:

- a) Quân đội nhân dân;
- b) Dân quân tự vệ;
- c) Cảnh sát biển;
- d) Công an nhân dân;
- đ) Câu lạc bộ, cơ sở đào tạo, huấn luyện thể thao có giấy phép hoạt động;
- e) Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh;
- g) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khác được thành lập, cấp phép hoạt động trong luyện tập, thi đấu thể thao.”.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024);

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

6. Thủ tục: Cấp Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao

6.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu chính về Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thủ tục còn thiếu cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp trên Cổng dịch vụ công không tiếp nhận và thông báo trả lời trên Cổng dịch vụ công lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao.

6.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 26 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024), cụ thể: Văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, lý do, số lượng, chủng loại, nước sản xuất, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu của từng vũ khí thể thao và số giấy phép trang bị vũ khí thể thao; Bản sao hóa đơn, bản sao phiếu xuất kho hoặc giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp.

*** Lưu ý:**

Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

6.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan Công an có thẩm quyền kiểm tra thực tế, cấp giấy phép sử dụng vũ khí thể thao; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao (Mẫu VC10 ban hành kèm theo Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ).

6.8. Phí, lệ phí: 10.000 đồng/giấy.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Chỉ cấp Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao cho đối tượng được trang bị vũ khí thể thao theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024); cụ thể:

“1. Đối tượng được trang bị vũ khí thể thao bao gồm:

- a) Quân đội nhân dân;
- b) Dân quân tự vệ;
- c) Cảnh sát biên;
- d) Công an nhân dân;
- đ) Câu lạc bộ, cơ sở đào tạo, huấn luyện thể thao có giấy phép hoạt động;
- e) Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh;
- g) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khác được thành lập, cấp phép hoạt động trong luyện tập, thi đấu thể thao.”.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024);

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ;

thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

7. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao

7.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu chính về Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thủ tục còn thiếu cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp trên Cổng dịch vụ công không tiếp nhận và thông báo trả lời trên Cổng dịch vụ công lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao.

7.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã

hội Công an tỉnh.

- Nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 26 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024), cụ thể: Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng vũ khí thể thao phải ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; lý do đề nghị cấp lại; số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu từng loại vũ khí thể thao; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ. Trường hợp mất, hư hỏng giấy phép sử dụng vũ khí thể thao thì văn bản đề nghị phải nêu rõ lý do mất, hư hỏng và kết quả xử lý.

*** Lưu ý:**

Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

7.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan Công an có thẩm quyền kiểm tra thực tế, cấp giấy phép sử dụng vũ khí thể thao; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép sử dụng vũ khí thể thao (Mẫu VC10 ban hành kèm theo Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ).

7.8. Phí, lệ phí: 10.000 đồng/giấy.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Cấp lại giấy phép sử dụng vũ khí thể thao đối với các trường hợp thay đổi thông tin về cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc mất, hư hỏng giấy phép sử dụng cho đối tượng được trang bị vũ khí thể thao theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024); cụ thể:

“1. Đối tượng được trang bị vũ khí thể thao bao gồm:

a) Quân đội nhân dân;

- b) Dân quân tự vệ;
- c) Cảnh sát biển;
- d) Công an nhân dân;
- đ) Câu lạc bộ, cơ sở đào tạo, huấn luyện thể thao có giấy phép hoạt động;
- e) Trung tâm giáo dục quốc phòng và an ninh;
- g) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khác được thành lập, cấp phép hoạt động trong luyện tập, thi đấu thể thao.”.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024);
- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;
- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;
- Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

8. Thủ tục: Cấp Giấy phép vận chuyển vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao

8.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.
- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.
- Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:
 - + Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.
 - + Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải trả hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.
 - + Hồ sơ không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ không tiếp nhận và

thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận Giấy phép vận chuyển vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao.

8.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 29 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024), cụ thể: Văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; lý do; số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, nguồn gốc xuất xứ; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ, người điều khiển phương tiện và người áp tải; phương tiện vận chuyển, biển kiểm soát; thời gian vận chuyển, nơi đi, nơi đến, tuyến đường vận chuyển.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

8.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan Công an có thẩm quyền cấp giấy phép vận chuyển; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép vận chuyển vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao (Mẫu VC7 ban hành kèm theo Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ).

8.8. Phí, lệ phí: 100.000 đồng/giấy.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Việc vận chuyển vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao phải đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024); cụ thể:

“1. Việc vận chuyển vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao thực hiện theo quy định sau đây:

a) Phải có giấy phép hoặc mệnh lệnh vận chuyển của cơ quan, người có thẩm quyền;

b) Bảo đảm bí mật, an toàn;

c) Vận chuyển vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao nguy hiểm phải sử dụng phương tiện chuyên dùng và bảo đảm an toàn, phòng cháy và chữa cháy;

d) Không được chở vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao và người trên cùng một phương tiện, trừ người điều khiển phương tiện và người áp tải;

đ) Không dùng, đỗ phương tiện vận chuyển vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao ở nơi đông người, khu vực dân cư, cửa hàng xăng dầu, nơi có công trình quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hóa, ngoại giao. Trường hợp cần nghỉ qua đêm hoặc do sự cố mà không đủ lực lượng bảo vệ thì người điều khiển phương tiện, người áp tải phải thông báo ngay cho cơ quan quân sự hoặc cơ quan Công an nơi gần nhất để phối hợp bảo vệ khi cần thiết.”.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024);

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

9. Thủ tục: Cấp Giấy phép sửa chữa vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao

9.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp nộp hồ sơ tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đề

ngiht biét và nhậ vào hê thng phn mêm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải trả hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận Giấy phép sửa chữa vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao.

9.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 30 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024), cụ thể: Văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp có nhu cầu sửa chữa và tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tiến hành sửa chữa; lý do; số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu của từng loại vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao đề nghị sửa chữa; thời gian sửa chữa; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật và người đến liên hệ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

9.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan Công an có thẩm quyền cấp giấy phép; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

9.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép sửa chữa vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao (Mẫu VC6 ban hành kèm theo Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ).

9.8. Phí, lệ phí: 10.000 đồng/khẩu-chiếc.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024);

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

10. Thủ tục: Cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ quân dụng

10.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ phải trả hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ quân dụng.

10.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 23 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024), cụ thể: Văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; lý do; khối lượng vật liệu nổ quân dụng cần vận chuyển; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ, người điều khiển phương tiện và người áp tải; phương tiện vận chuyển, biển kiểm soát; thời gian vận chuyển, nơi đi, nơi đến, tuyến đường vận chuyển.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

10.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan Công an có thẩm quyền cấp giấy phép vận chuyển; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

10.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

10.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ quân dụng (Mẫu VC7 ban hành kèm theo Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ).

10.8. Phí, lệ phí:

- Dưới 5 tấn: 50.000 đồng/giấy;
- Từ 5 tấn đến 15 tấn: 100.000 đồng/giấy;
- Trên 15 tấn: 150.000 đồng/giấy.

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Việc vận chuyển vật liệu nổ quân dụng phải đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024); cụ thể:

“1. Việc vận chuyển vật liệu nổ quân dụng thực hiện theo quy định sau đây:

a) Phải có giấy phép hoặc mệnh lệnh vận chuyển vật liệu nổ quân dụng của cơ quan, người có thẩm quyền;

b) Bảo đảm bí mật, an toàn;

c) Sử dụng phương tiện chuyên dùng bảo đảm điều kiện vận chuyển vật liệu nổ quân dụng và bảo đảm an toàn, phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường;

d) Không được chở vật liệu nổ quân dụng và người trên cùng một phương tiện, trừ người điều khiển phương tiện, người áp tải;

đ) Không dừng, đỗ phương tiện vận chuyển vật liệu nổ quân dụng ở nơi đông người, khu vực dân cư, cửa hàng xăng dầu, nơi có công trình quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hóa, ngoại giao. Trường hợp cần nghỉ qua đêm hoặc do sự cố mà không đủ lực lượng bảo vệ thì người điều khiển phương tiện, người áp tải phải thông báo ngay cho cơ quan quân sự hoặc cơ quan Công an nơi gần nhất để phối hợp bảo vệ khi cần thiết.”.

10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024);

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

11. Thủ tục: Cấp Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp

11.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu chính về Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thời gian trả kết quả cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thủ tục còn thiếu cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết

để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp trên Cổng dịch vụ công không tiếp nhận và thông báo trả lời trên Cổng dịch vụ công lý do không tiếp nhận cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

11.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công.

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024), cụ thể: Văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp vận chuyển; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật, người điều khiển phương tiện, người áp tải; số lệnh xuất hoặc số hoá đơn, khối lượng, số lượng, chủng loại vật liệu nổ công nghiệp cần vận chuyển; nơi đi, nơi đến, thời gian và tuyến đường vận chuyển; phương tiện vận chuyển, biển kiểm soát; số giấy phép lái xe.

**** Lưu ý:***

Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

11.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan Công an có thẩm quyền cấp, điều chỉnh giấy phép vận chuyển; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

11.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

11.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

11.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp (Mẫu VC8 ban hành kèm theo Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ).

11.8. Phí, lệ phí:

- Dưới 5 tấn: 50.000 đồng/giấy;
- Từ 5 tấn đến 15 tấn: 100.000 đồng/giấy;
- Trên 15 tấn: 150.000 đồng/giấy.

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Việc vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp phải đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024); cụ thể:

“1. Tổ chức, doanh nghiệp vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm đủ điều kiện sau đây:

a) Là tổ chức, doanh nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp hoặc doanh nghiệp có đăng ký ngành, nghề vận chuyển hàng hóa;

b) Phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp đủ điều kiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp; bảo đảm điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy;

c) Người quản lý, người điều khiển phương tiện, người áp tải và người phục vụ có liên quan trực tiếp đến vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp có trình độ chuyên môn phù hợp và được huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy và chữa cháy;

d) Có giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp; biểu trưng báo hiệu phương tiện đang vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

2. Việc vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp thực hiện theo quy định sau đây:

a) Thực hiện đúng nội dung ghi trong giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

b) Kiểm tra tình trạng hàng hóa trước khi xuất phát hoặc sau mỗi lần phương tiện dừng, đỗ và khắc phục ngay sự cố xảy ra;

c) Có phương án vận chuyển bảo đảm an toàn, phòng cháy và chữa cháy; có biện pháp ứng phó sự cố khẩn cấp;

d) Thực hiện đầy đủ thủ tục giao, nhận về hàng hóa, tài liệu liên quan đến vật liệu nổ công nghiệp;

đ) Không được chở vật liệu nổ công nghiệp và người trên cùng một phương tiện, trừ người điều khiển phương tiện, người áp tải;

e) Không dừng, đỗ phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp ở nơi

đông người, khu vực dân cư, cửa hàng xăng dầu, nơi có công trình quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hóa, ngoại giao; không vận chuyển khi thời tiết bất thường. Trường hợp cần nghỉ qua đêm hoặc do sự cố mà không đủ lực lượng bảo vệ thì người điều khiển phương tiện, người áp tải phải thông báo ngay cho cơ quan quân sự hoặc cơ quan Công an nơi gần nhất để phối hợp bảo vệ khi cần thiết.”.

11.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024);

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

12. Thủ tục: Điều chỉnh Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp

12.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu chính về Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thời gian trả kết quả cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thủ tục còn thiếu cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn

thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp trên Cổng dịch vụ công không tiếp nhận và thông báo trả lời trên Cổng dịch vụ công lý do không tiếp nhận cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

12.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công.

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024), cụ thể: Văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp vận chuyển; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật, người điều khiển phương tiện, người áp tải; số lệnh xuất hoặc số hoá đơn, khối lượng, số lượng, chủng loại vật liệu nổ công nghiệp cần vận chuyển; nơi đi, nơi đến, thời gian và tuyến đường vận chuyển; phương tiện vận chuyển, biển kiểm soát; số giấy phép lái xe; nội dung đề nghị điều chỉnh trong nội dung giấy phép vận chuyển.

**** Lưu ý:***

Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

12.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan Công an có thẩm quyền cấp, điều chỉnh giấy phép vận chuyển; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

12.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

12.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

12.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp (Mẫu VC8 ban hành kèm theo Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an

quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ).

12.8. Phí, lệ phí:

- Dưới 5 tấn: 50.000 đồng/giấy;
- Từ 5 tấn đến 15 tấn: 100.000 đồng/giấy;
- Trên 15 tấn: 150.000 đồng/giấy.

12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Chỉ cấp điều chỉnh giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp trong trường hợp có thay đổi thông tin trong giấy phép. Việc vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 41 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024); cụ thể:

“1. Tổ chức, doanh nghiệp vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp phải bảo đảm đủ điều kiện sau đây:

a) Là tổ chức, doanh nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp hoặc doanh nghiệp có đăng ký ngành, nghề vận chuyển hàng hóa;

b) Phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp đủ điều kiện theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn trong hoạt động vật liệu nổ công nghiệp; bảo đảm điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy;

c) Người quản lý, người điều khiển phương tiện, người áp tải và người phục vụ có liên quan trực tiếp đến vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp có trình độ chuyên môn phù hợp và được huấn luyện nghiệp vụ về phòng cháy và chữa cháy;

d) Có giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp; biểu trưng báo hiệu phương tiện đang vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp.

2. Việc vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp thực hiện theo quy định sau đây:

a) Thực hiện đúng nội dung ghi trong giấy phép vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp;

b) Kiểm tra tình trạng hàng hóa trước khi xuất phát hoặc sau mỗi lần phương tiện dừng, đỗ và khắc phục ngay sự cố xảy ra;

c) Có phương án vận chuyển bảo đảm an toàn, phòng cháy và chữa cháy; có biện pháp ứng phó sự cố khẩn cấp;

d) Thực hiện đầy đủ thủ tục giao, nhận về hàng hóa, tài liệu liên quan đến vật liệu nổ công nghiệp;

đ) Không được chở vật liệu nổ công nghiệp và người trên cùng một phương tiện, trừ người điều khiển phương tiện, người áp tải;

e) Không dừng, đỗ phương tiện vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp ở nơi đông người, khu vực dân cư, cửa hàng xăng dầu, nơi có công trình quan trọng về

quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hóa, ngoại giao; không vận chuyển khi thời tiết bất thường. Trường hợp cần nghỉ qua đêm hoặc do sự cố mà không đủ lực lượng bảo vệ thì người điều khiển phương tiện, người áp tải phải thông báo ngay cho cơ quan quân sự hoặc cơ quan Công an nơi gần nhất để phối hợp bảo vệ khi cần thiết.”.

12.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024);

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

13. Thủ tục: Cấp Giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ

13.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu chính về Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thời gian trả kết quả cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thủ tục còn thiếu cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp trên Cổng dịch vụ công không tiếp nhận và thông báo trả lời trên Cổng dịch vụ công lý do không tiếp nhận cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận Giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ.

13.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công.

13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 47 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024), cụ thể: Văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ của tổ chức, doanh nghiệp vận chuyển; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người điều khiển phương tiện, người áp tải; số lệnh xuất hoặc số hoá đơn, khối lượng, số lượng, chủng loại tiền chất thuốc nổ cần vận chuyển; nơi đi, nơi đến, thời gian và tuyến đường vận chuyển; phương tiện vận chuyển, biển kiểm soát; số giấy phép lái xe.

*** Lưu ý:**

Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

13.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan Công an có thẩm quyền cấp giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

13.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

13.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

13.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ (Mẫu VC8 ban hành kèm theo Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ).

13.8. Phí, lệ phí: Không.

13.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

13.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Việc vận chuyển tiền chất thuốc nổ đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024); cụ thể:

“1. Tổ chức, doanh nghiệp vận chuyển tiền chất thuốc nổ phải bảo đảm đủ điều kiện sau đây:

a) Là tổ chức, doanh nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng tiền chất thuốc nổ hoặc doanh nghiệp có đăng ký ngành, nghề vận chuyển hàng hóa;

b) Có phương tiện đủ điều kiện vận chuyển tiền chất thuốc nổ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn trong hoạt động tiền chất thuốc nổ; bảo đảm điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy;

c) Người quản lý, người điều khiển phương tiện, người áp tải và người phục vụ có liên quan trực tiếp đến vận chuyển tiền chất thuốc nổ phải có trình độ chuyên môn phù hợp, được huấn luyện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy;

d) Có giấy phép hoặc mệnh lệnh vận chuyển tiền chất thuốc nổ; biểu trưng báo hiệu phương tiện đang vận chuyển tiền chất thuốc nổ.

2. Việc vận chuyển tiền chất thuốc nổ thực hiện theo quy định sau đây:

a) Thực hiện đúng nội dung ghi trong giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ;

b) Kiểm tra tình trạng hàng hóa trước khi xuất phát hoặc sau mỗi lần phương tiện dừng, đỗ và khắc phục ngay sự cố xảy ra;

c) Có phương án bảo đảm vận chuyển an toàn, phòng cháy và chữa cháy; có biện pháp ứng phó sự cố khẩn cấp;

d) Thực hiện đầy đủ thủ tục giao, nhận về hàng hóa, tài liệu liên quan đến tiền chất thuốc nổ;

đ) Không được chở tiền chất thuốc nổ và người trên cùng một phương tiện, trừ người điều khiển phương tiện, người áp tải;

e) Không dừng, đỗ phương tiện vận chuyển tiền chất thuốc nổ ở nơi đông người, khu vực dân cư, cửa hàng xăng dầu, nơi có công trình quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hóa, ngoại giao; không vận chuyển tiền chất thuốc nổ khi thời tiết bất thường. Trường hợp cần nghỉ qua đêm hoặc do sự cố mà không đủ lực lượng bảo vệ thì người điều khiển phương tiện, người áp tải phải thông báo ngay cho cơ quan quân sự hoặc cơ quan Công an nơi gần nhất để phối hợp bảo vệ khi cần thiết.”

13.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024);

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

14. Thủ tục: Điều chỉnh Giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ

14.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu chính về Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thời gian trả kết quả cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thủ tục còn thiếu cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp trên Cổng dịch vụ công không tiếp nhận và thông báo trả lời trên Cổng dịch vụ công lý do không tiếp nhận cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận Giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ.

14.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công.

14.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 47 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và

công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024), cụ thể: Văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ của tổ chức, doanh nghiệp vận chuyển; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người điều khiển phương tiện, người áp tải; số lệnh xuất hoặc số hoá đơn, khối lượng, số lượng, chủng loại tiền chất thuốc nổ vận chuyển; nơi đi, nơi đến, thời gian và tuyến đường vận chuyển; phương tiện vận chuyển, biển kiểm soát; số giấy phép lái xe; ghi rõ nội dung đề nghị điều chỉnh trong nội dung giấy phép vận chuyển.

*** Lưu ý:**

Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

14.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan Công an có thẩm quyền cấp giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

14.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

14.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

14.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ (Mẫu VC8 ban hành kèm theo Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ).

14.8. Phí, lệ phí: Không.

14.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

14.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Chỉ cấp điều chỉnh Giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ trong trường hợp có thay đổi thông tin trong giấy phép. Việc vận chuyển tiền chất thuốc nổ phải đảm bảo các điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024); cụ thể:

“1. Tổ chức, doanh nghiệp vận chuyển tiền chất thuốc nổ phải bảo đảm đủ điều kiện sau đây:

a) Là tổ chức, doanh nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh, sử dụng tiền chất thuốc nổ hoặc doanh nghiệp có đăng ký ngành, nghề vận chuyển hàng hóa;

b) Có phương tiện đủ điều kiện vận chuyển tiền chất thuốc nổ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về an toàn trong hoạt động tiền chất thuốc nổ; bảo đảm điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy;

c) Người quản lý, người điều khiển phương tiện, người áp tải và người phục vụ có liên quan trực tiếp đến vận chuyển tiền chất thuốc nổ phải có trình độ

chuyên môn phù hợp, được huấn luyện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy;

d) Có giấy phép hoặc mệnh lệnh vận chuyển tiền chất thuốc nổ; biểu trưng báo hiệu phương tiện đang vận chuyển tiền chất thuốc nổ.

2. Việc vận chuyển tiền chất thuốc nổ thực hiện theo quy định sau đây:

a) Thực hiện đúng nội dung ghi trong giấy phép vận chuyển tiền chất thuốc nổ;

b) Kiểm tra tình trạng hàng hóa trước khi xuất phát hoặc sau mỗi lần phương tiện dừng, đỗ và khắc phục ngay sự cố xảy ra;

c) Có phương án bảo đảm vận chuyển an toàn, phòng cháy và chữa cháy; có biện pháp ứng phó sự cố khẩn cấp;

d) Thực hiện đầy đủ thủ tục giao, nhận về hàng hóa, tài liệu liên quan đến tiền chất thuốc nổ;

đ) Không được chở tiền chất thuốc nổ và người trên cùng một phương tiện, trừ người điều khiển phương tiện, người áp tải;

e) Không dừng, đỗ phương tiện vận chuyển tiền chất thuốc nổ ở nơi đông người, khu vực dân cư, cửa hàng xăng dầu, nơi có công trình quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hóa, ngoại giao; không vận chuyển tiền chất thuốc nổ khi thời tiết bất thường. Trường hợp cần nghỉ qua đêm hoặc do sự cố mà không đủ lực lượng bảo vệ thì người điều khiển phương tiện, người áp tải phải thông báo ngay cho cơ quan quân sự hoặc cơ quan Công an nơi gần nhất để phối hợp bảo vệ khi cần thiết.”.

14.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024);

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

15. Thủ tục: Cấp Giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ

15.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu chính về Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thủ tục còn thiếu cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp trên Cổng dịch vụ công không tiếp nhận và thông báo trả lời trên Cổng dịch vụ công lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận Giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ.

15.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công.

15.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 53 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024), cụ thể: văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu trang bị và tên, địa chỉ của tổ chức, doanh nghiệp bán công cụ hỗ trợ, lý do, số lượng, chủng loại, nhãn hiệu công cụ hỗ trợ cần trang bị, họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật; đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thành lập lực lượng bảo vệ chuyên trách thì phải có bản sao quyết định thành lập lực lượng bảo vệ chuyên trách.

*** Lưu ý:**

Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

15.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, văn bản đề nghị, cơ quan Công an có thẩm quyền cấp giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

15.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

15.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

15.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ (Mẫu VC2 ban hành kèm theo Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ).

15.8. Phí, lệ phí: 10.000 đồng/khâu-chiếc.**15.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không.

15.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Chỉ cấp Giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ cho đối tượng được trang bị công cụ hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024); cụ thể:

“1. Đối tượng được trang bị công cụ hỗ trợ bao gồm:

- a) Quân đội nhân dân;
- b) Dân quân tự vệ;
- c) Cảnh sát biển;
- d) Công an nhân dân;
- đ) Cơ yếu;
- e) Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- g) Cơ quan thi hành án dân sự;
- h) Kiểm lâm, lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách, Kiểm ngư, lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thủy sản;
- i) Hải quan cửa khẩu, lực lượng chuyên trách phòng, chống buôn lậu của Hải quan, lực lượng phòng, chống tội phạm về ma túy của Hải quan;
- k) Đội kiểm tra của lực lượng Quản lý thị trường;
- l) An ninh hàng không, lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành giao thông vận tải;
- m) Lực lượng bảo vệ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bảo vệ;

- n) Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;
- o) Câu lạc bộ, cơ sở đào tạo, huấn luyện thể thao có giấy phép hoạt động;
- p) Cơ sở cai nghiện ma túy;
- q) Các đối tượng khác có nhu cầu trang bị công cụ hỗ trợ thì căn cứ vào tính chất, yêu cầu, nhiệm vụ do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định.”.

15.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024);
- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;
- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;
- Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

16. Thủ tục: Cấp Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ

16.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.
- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu chính về Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.
- Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:
 - + Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.
 - Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.
 - + Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thủ tục còn thiếu cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề

ngộ biết để bỏ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bỏ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp trên Cổng dịch vụ công không tiếp nhận và thông báo trả lời trên Cổng dịch vụ công lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ.

16.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công.

16.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 55 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024), cụ thể: văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, lý do, số lượng, chủng loại, nước sản xuất, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu của từng công cụ hỗ trợ, số giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ; bản sao hóa đơn, bản sao phiếu xuất kho hoặc giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp.

**** Lưu ý:***

Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bỏ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

16.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, văn bản đề nghị, cơ quan Công an có thẩm quyền kiểm tra thực tế, cấp giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

16.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

16.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

16.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ (Mẫu VC11 ban hành kèm theo Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về

biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ).

16.8. Phí, lệ phí: 10.000 đồng/giấy.

16.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

16.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Chỉ cấp Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ cho đối tượng được trang bị công cụ hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024); cụ thể:

“1. Đối tượng được trang bị công cụ hỗ trợ bao gồm:

- a) Quân đội nhân dân;
- b) Dân quân tự vệ;
- c) Cảnh sát biển;
- d) Công an nhân dân;
- đ) Cơ yếu;
- e) Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- g) Cơ quan thi hành án dân sự;
- h) Kiểm lâm, lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách, Kiểm ngư, lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thủy sản;
- i) Hải quan cửa khẩu, lực lượng chuyên trách phòng, chống buôn lậu của Hải quan, lực lượng phòng, chống tội phạm về ma túy của Hải quan;
- k) Đội kiểm tra của lực lượng Quản lý thị trường;
- l) An ninh hàng không, lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành giao thông vận tải;
- m) Lực lượng bảo vệ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bảo vệ;
- n) Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;
- o) Câu lạc bộ, cơ sở đào tạo, huấn luyện thể thao có giấy phép hoạt động;
- p) Cơ sở cai nghiện ma túy;
- q) Các đối tượng khác có nhu cầu trang bị công cụ hỗ trợ thì căn cứ vào tính chất, yêu cầu, nhiệm vụ do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định.”.

16.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024);

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và

công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

17. Thủ tục: Cấp lại Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ

17.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu chính về Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thủ tục còn thiếu cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp trên Cổng dịch vụ công không tiếp nhận và thông báo trả lời trên Cổng dịch vụ công lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ.

17.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công.

17.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 55 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024), cụ thể: Văn bản đề nghị cấp lại giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, lý do, số lượng, chủng loại, nước sản xuất, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu từng loại công cụ hỗ trợ; trường hợp mất, hư hỏng giấy phép sử dụng thì văn bản phải nêu rõ lý do mất, hư hỏng và kết quả xử lý.

*** Lưu ý:**

Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

17.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, văn bản đề nghị, cơ quan Công an có thẩm quyền kiểm tra thực tế, cấp giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

17.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

17.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

17.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép sử dụng công cụ hỗ trợ (Mẫu VC11 ban hành kèm theo Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ).

17.8. Phí, lệ phí: 10.000 đồng/giấy.

17.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

17.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Chỉ cấp lại Giấy phép trang bị công cụ hỗ trợ đối với các trường hợp thay đổi thông tin về cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc mất, hư hỏng giấy phép sử dụng cho đối tượng được trang bị công cụ hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 52 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024); cụ thể:

“1. Đối tượng được trang bị công cụ hỗ trợ bao gồm:

- a) Quân đội nhân dân;
- b) Dân quân tự vệ;
- c) Cảnh sát biển;
- d) Công an nhân dân;
- đ) Cơ yếu;
- e) Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- g) Cơ quan thi hành án dân sự;
- h) Kiểm lâm, lực lượng bảo vệ rừng chuyên trách, Kiểm ngư, lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành thủy sản;
- i) Hải quan cửa khẩu, lực lượng chuyên trách phòng, chống buôn lậu của Hải quan, lực lượng phòng, chống tội phạm về ma túy của Hải quan;
- k) Đội kiểm tra của lực lượng Quản lý thị trường;
- l) An ninh hàng không, lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành giao thông vận tải;
- m) Lực lượng bảo vệ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bảo vệ;
- n) Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;
- o) Câu lạc bộ, cơ sở đào tạo, huấn luyện thể thao có giấy phép hoạt động;
- p) Cơ sở cai nghiện ma túy;
- q) Các đối tượng khác có nhu cầu trang bị công cụ hỗ trợ thì căn cứ vào tính chất, yêu cầu, nhiệm vụ do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định.”.

17.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024);
- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;
- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;
- Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

18. Thủ tục: Cấp Giấy phép vận chuyển công cụ hỗ trợ

18.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu chính về Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thủ tục còn thiếu cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp trên Cổng dịch vụ công không tiếp nhận và thông báo trả lời trên Cổng dịch vụ công lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận Giấy phép vận chuyển công cụ hỗ trợ.

18.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công.

18.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 56 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024), cụ thể: Văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; lý do; số lượng,

chủng loại, nhãn hiệu, nguồn gốc xuất xứ của công cụ hỗ trợ vận chuyên, họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người điều khiển phương tiện, người áp tải; phương tiện vận chuyên, biển kiểm soát; thời gian vận chuyên, nơi đi, nơi đến, tuyến đường vận chuyên.

*** Lưu ý:**

Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

18.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan Công an có thẩm quyền cấp giấy phép vận chuyên công cụ hỗ trợ; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

18.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

18.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

18.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép vận chuyên công cụ hỗ trợ (Mẫu VC7 ban hành kèm theo Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ).

18.8. Phí, lệ phí: 100.000 đồng/giấy.

18.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

18.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Việc vận chuyên công cụ hỗ trợ phải bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024); cụ thể:

“1. Việc vận chuyên công cụ hỗ trợ thực hiện theo quy định sau đây:

a) Phải có giấy phép hoặc mệnh lệnh vận chuyên công cụ hỗ trợ của cơ quan, người có thẩm quyền;

b) Bảo đảm bí mật, an toàn;

c) Vận chuyên công cụ hỗ trợ dễ cháy, nổ, nguy hiểm phải sử dụng phương tiện chuyên dùng và bảo đảm an toàn, phòng cháy và chữa cháy;

d) Không được vận chuyên công cụ hỗ trợ và người trên cùng một phương tiện, trừ người điều khiển phương tiện, người áp tải;

đ) Không dừng, đỗ phương tiện vận chuyên công cụ hỗ trợ ở nơi đông người, khu vực dân cư, cửa hàng xăng dầu, nơi có công trình quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế, văn hóa, ngoại giao. Trường hợp cần nghỉ qua đêm hoặc

do sự cố mà không đủ lực lượng bảo vệ thì người điều khiển phương tiện, người áp tải phải thông báo ngay cho cơ quan quân sự hoặc cơ quan Công an nơi gần nhất để phối hợp bảo vệ khi cần thiết.”.

18.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024);

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

19. Thủ tục: Cấp Giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ

19.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu chính về Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thủ tục còn thiếu cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả hồ sơ

hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị đề bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp trên Cổng dịch vụ công không tiếp nhận và thông báo trả lời trên Cổng dịch vụ công lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận Giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ.

19.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công.

19.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 57 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024), cụ thể: Văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu và tên, địa chỉ tổ chức, doanh nghiệp tiến hành sửa chữa; lý do; số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu của từng loại công cụ hỗ trợ đề nghị sửa chữa; số lượng, bộ phận cần tiến hành sửa chữa; thời gian sửa chữa; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật.

**** Lưu ý:***

Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

19.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan Công an có thẩm quyền cấp giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

19.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

19.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

19.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ (Mẫu VC6 ban hành kèm theo Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận,

chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ).

19.8. Phí, lệ phí: 10.000 đồng/khâu-chiếc.

19.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

19.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

19.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024);

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ;

- Thông tư số 23/2019/TT-BTC ngày 19/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 218/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện thuộc lĩnh vực an ninh; phí sát hạch cấp chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ; lệ phí cấp giấy phép quản lý pháo; lệ phí cấp giấy phép quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

20. Thủ tục: Thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

20.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khi giao nộp vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ phải có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép vận chuyển vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ để giao nộp. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền trực tiếp thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ tại trụ sở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị giao nộp thì không phải cấp giấy phép vận chuyển.

- Bước 3: Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép trang bị, sử dụng hoặc cơ quan có thẩm quyền trang cấp thuộc Bộ Công an sau khi nhận được văn bản đề nghị thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ của các đơn vị trong Công an nhân dân thì tổ chức thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ

trợ theo quy định như sau: Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép trang bị, sử dụng hoặc cơ quan có thẩm quyền trang cấp thuộc Bộ Công an có trách nhiệm kiểm tra, lập biên bản thu hồi, trong đó ghi rõ số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu, nước sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ, tình trạng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ. Biên bản lập thành 02 bản, 01 bản giao cho cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, 01 bản lưu tại cơ quan có thẩm quyền thu hồi.

- Bước 4: Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép phải thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị về thời gian, địa điểm giao nộp để thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

- Bước 5: Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ có trách nhiệm kiểm tra, lập biên bản thu hồi, trong đó ghi rõ số lượng, loại giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ. Biên bản lập thành 02 bản, 01 bản giao cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, 01 bản lưu tại cơ quan có thẩm quyền thu hồi.

*** Lưu ý:**

Đối với các đơn vị trong Công an nhân dân sau khi giao nộp vũ khí, công cụ hỗ trợ cho cơ quan có thẩm quyền trang cấp thì phải giao nộp giấy phép sử dụng cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép và thực hiện theo quy định tại bước 5.

20.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

20.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 10 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024), cụ thể: Văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật và người đến liên hệ; lý do giao nộp; số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu của vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; số giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

20.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ phải thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ theo quy định.

20.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

20.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát Quản lý

hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

20.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và giấy phép, giấy xác nhận, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ được thu hồi; Biên bản thu hồi được lập và giao cho các bên liên quan.

20.8. Phí, lệ phí: Không.

20.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

20.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

20.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024);

- Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

21. Thủ tục: Đề nghị làm mất tính năng, tác dụng và xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng được sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật

21.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu chính về Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề

ngộ biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thủ tục còn thiếu cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp trên Cổng dịch vụ công không tiếp nhận và thông báo trả lời trên Cổng dịch vụ công lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận Thông báo cho phép làm mất tính năng, tác dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ và Thông báo xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng.

21.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công.

21.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, cụ thể: Văn bản đề nghị làm mất tính năng, tác dụng và xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật; lý do, số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu, nguồn gốc, xuất xứ của từng loại vũ khí, công cụ hỗ trợ; tên, địa chỉ tổ chức, doanh nghiệp thực hiện làm mất tính năng, tác dụng.

**** Lưu ý:***

Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

21.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thực hiện thủ tục làm mất tính năng, tác dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ, cơ quan có

thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này có văn bản thông báo cho phép làm mất tính năng, tác dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ, trong đó ghi rõ số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu vũ khí, công cụ hỗ trợ, thời gian, tên, địa chỉ tổ chức, doanh nghiệp làm mất tính năng, tác dụng; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

*** Lưu ý:**

Sau khi tổ chức, doanh nghiệp thuộc Bộ Công an đã làm mất tính năng, tác dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ, cơ quan Công an có thẩm quyền thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị; tiến hành kiểm tra, lập biên bản đánh giá tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng và cấp Thông báo xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng.

21.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

21.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

21.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo cho phép làm mất tính năng, tác dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ (Mẫu VC19 ban hành kèm theo Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ) và Thông báo xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng (Mẫu VC20 ban hành kèm theo Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ).

21.8. Phí, lệ phí: Không.

21.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

21.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

21.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024);

- Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

22. Thủ tục: Đề nghị xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng được sử dụng để triển lãm, trưng bày hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật

22.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu chính về Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thủ tục còn thiếu cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp trên Cổng dịch vụ công không tiếp nhận và thông báo trả lời trên Cổng dịch vụ công lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận Thông báo xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng.

22.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công.

22.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, cụ thể: Văn bản đề nghị xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng, trong đó ghi rõ tên, địa chỉ cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật; lý do, số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu, nguồn gốc, xuất xứ vũ khí, công cụ hỗ trợ.

*** Lưu ý:**

Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

22.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều này phải tiến hành kiểm tra, lập biên bản và có văn bản thông báo xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

22.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

22.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

22.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo xác nhận tình trạng vũ khí, công cụ hỗ trợ đã mất tính năng, tác dụng (Mẫu VC20 ban hành kèm theo Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ).

22.8. Phí, lệ phí: Không.

22.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

22.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

22.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024);

- Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ;

thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

B. Thủ tục hành chính cấp xã

1. Thủ tục: Khai báo vũ khí thô sơ là hiện vật trưng bày, triển lãm, làm đồ gia bảo

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân sở hữu vũ khí thô sơ là hiện vật trưng bày, triển lãm, làm đồ gia bảo chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ nộp trên Cổng dịch vụ công hoặc nộp tại Công an xã, phường, thị trấn nơi đặt trụ sở hoặc nơi cư trú.

Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thủ tục còn thiếu cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp trên Cổng dịch vụ công không tiếp nhận và thông báo trả lời trên Cổng dịch vụ công lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận Thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ cho tổ chức, cá nhân sở hữu.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Công an xã, phường, thị trấn nơi đặt trụ sở hoặc nơi cư trú.

- Nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 31 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024), cụ thể: Tờ khai, trong đó ghi rõ họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đề nghị, lý do khai báo, số lượng, chủng loại, nhãn hiệu, số hiệu, ký hiệu vũ khí thô sơ (nếu có); bản sao giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ vũ khí thô sơ (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Công an xã, phường, thị trấn phải thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ cho tổ chức, cá nhân sở hữu.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Công an xã, phường, thị trấn.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ (Mẫu VC21 ban hành kèm theo Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ).

1.8. Phí, lệ phí: Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024);

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ

A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

1. Thủ tục: Đề nghị đào tạo, huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và cấp, cấp đổi giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu chính về Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thủ tục còn thiếu cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp trên Cổng dịch vụ công không tiếp nhận và thông báo trả lời trên Cổng dịch vụ công lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương kiểm tra hồ sơ, xây dựng kế hoạch và quyết định mở lớp đào tạo, huấn luyện; bố trí cán bộ đào tạo, huấn luyện theo quy định.

Trường hợp Cục Trang bị và kho vận, Bộ Công an hoặc các học viện, trường Công an nhân dân, Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an nhân dân tổ chức đào tạo, huấn luyện thì sau khi có quyết định mở lớp đào tạo, huấn luyện phải có văn bản thông báo và kèm theo quyết định mở lớp cho Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để tổ chức kiểm tra, sát hạch, cấp giấy chứng nhận sử dụng, chứng chỉ quản lý vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

- Bước 5: Sau khi kết thúc đào tạo, huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thành lập Hội đồng sát hạch, tiến hành tổ chức kiểm tra, sát hạch, đánh giá kết quả kiểm tra đối với cá nhân được đào tạo, huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

- Bước 6: Căn cứ theo thông báo kết quả kiểm tra, sát hạch, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở trung ương đề nghị huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ đến nhận kết quả giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

1.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, cụ thể: a) Văn bản đề nghị, trong đó nêu rõ nhu cầu, số lượng người tham gia đào tạo, huấn luyện; thời gian, địa điểm tổ chức đào tạo, huấn luyện; b) Danh sách người tham gia đào tạo, huấn luyện, trong đó ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, chức vụ; kèm theo 03 ảnh màu chụp kiểu chân dung cỡ 03 cm x 04 cm, mặc trang phục theo quy định (ảnh chụp không quá 06 tháng tính đến ngày nhận hồ sơ).

Trường hợp Cục Trang bị và kho vận, Bộ Công an; các học viện, trường Công an nhân dân, Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ Công an nhân dân tổ chức đào tạo, huấn luyện thì sau khi kết thúc đào tạo, huấn luyện, phải có văn bản đề nghị; danh sách người tham gia đào tạo, huấn luyện, trong đó ghi rõ họ tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, chức vụ; kèm theo 03 ảnh màu chụp kiểu chân dung cỡ 03 cm x 04 cm, mặc trang phục theo quy định (ảnh chụp không quá 06 tháng tính đến ngày nhận hồ sơ) gửi Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để tổ chức kiểm tra, sát hạch.

**** Lưu ý:***

Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

1.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, xây dựng kế hoạch và quyết định mở lớp đào tạo, huấn luyện.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, sau khi kết thúc kiểm tra, sát hạch Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm cấp giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân

dụng, công cụ hỗ trợ; chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ cho các cá nhân có kết quả đạt yêu cầu; đối với cá nhân không đạt yêu cầu, gửi thông báo kết quả kiểm tra, sát hạch cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị đào tạo, huấn luyện biết.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

23.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

23.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức đào tạo, huấn luyện về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và cấp Giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ (Mẫu VC14 ban hành kèm theo Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ); chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ (Mẫu VC15 ban hành kèm theo Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ).

1.8. Phí, lệ phí: Không.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Chỉ cấp, cấp đổi giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ cho cá nhân được tham gia đào tạo, huấn luyện và có kết quả kiểm tra, sát hạch đạt yêu cầu theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024);

- Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ;

thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ.

2. Thủ tục: Cấp lại giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ

2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ theo quy định của pháp luật.

- Bước 2: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công hoặc gửi qua đường bưu chính về Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Bước 3: Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền kiểm tra tính pháp lý, nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải thông báo bằng văn bản thời gian trả kết quả cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết và nhập vào hệ thống phần mềm quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu thủ tục: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ trên Cổng dịch vụ công phải thông báo thủ tục còn thiếu cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết để bổ sung, hoàn thiện.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ qua đường bưu chính hoặc trực tiếp phải trả hồ sơ hoặc thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ không đạt yêu cầu: Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp trên Cổng dịch vụ công không tiếp nhận và thông báo trả lời trên Cổng dịch vụ công lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ nộp qua đường bưu chính hoặc trực tiếp, không tiếp nhận và thông báo trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản, nêu rõ lý do không tiếp nhận cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị biết.

- Bước 4: Căn cứ theo ngày hẹn trên Phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả để nhận giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; chứng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ.

2.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

- Nộp hồ sơ trên Cổng dịch vụ công.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

Theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, cụ thể: văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ lý do; họ tên, ngày, tháng, năm sinh, số định danh cá nhân, chức vụ của người đề nghị cấp lại giấy chứng nhận; kèm theo 02 ảnh màu chụp kiểu chân dung cỡ 03 cm x 04 cm, mặc trang phục theo quy định (ảnh chụp không quá 06 tháng tính đến ngày nhận hồ sơ)

*** Lưu ý:**

Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ thì văn bản đề nghị bổ sung họ tên, số định danh cá nhân hoặc số hộ chiếu của người đến liên hệ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan cấp giấy chứng nhận; chúng chỉ có trách nhiệm kiểm tra, xem xét và cấp lại giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; chúng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; trường hợp không cấp, phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do. Giấy chứng nhận; chúng chỉ được cấp lại giữ nguyên thời hạn như giấy chứng nhận; chúng chỉ đã cấp trước đó.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ (Mẫu VC14 ban hành kèm theo Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ); chúng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ (Mẫu VC15 ban hành kèm theo Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ).

2.8. Phí, lệ phí: Không.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không.

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Chỉ cấp lại giấy chứng nhận sử dụng vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ; chúng chỉ quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ đối với trường hợp bị hỏng hoặc mất giấy chứng nhận sử dụng; chúng chỉ quản lý cho cá nhân được tham gia đào tạo, huấn luyện và có kết quả kiểm tra, sát hạch đạt yêu

câu theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Luật số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024);

- Nghị định số 149/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;

- Thông tư số 77/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu và trình tự cấp giấy phép, thông báo đăng ký khai báo, chứng nhận, chứng chỉ về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ./.